



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên (đến ngày 22/4/2021)
Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên (đến ngày 22/4/2021)	
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 26/4/2021)
	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2021)
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2021)

### **Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 30 tháng 6 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 1.4 trong báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 34.478.143 triệu VND (2020: 13.450.300 triệu VND).

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bao gồm 35% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Ngày 22 tháng 6 năm 2021, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết.

**Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các Cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 79.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00184-22-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>94.154.859.648.304</b>	<b>56.747.258.197.010</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>22.471.375.562.130</b>	<b>13.696.099.298.228</b>
Tiền	111		6.316.299.666.510	2.094.314.298.228
Các khoản tương đương tiền	112		16.155.075.895.620	11.601.785.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>18.236.152.616.078</b>	<b>8.126.992.675.380</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	18.236.152.616.078	8.126.992.675.380
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.662.680.796.645</b>	<b>6.124.790.460.291</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4.973.095.672.343	3.949.486.943.250
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.722.371.823.278	1.303.037.835.829
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		23.521.740.500	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.1	981.799.066.828	910.365.502.671
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(39.275.168.162)	(39.336.197.606)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.167.661.858	1.236.376.147
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>42.134.493.932.210</b>	<b>26.286.822.229.202</b>
Hàng tồn kho	141		42.370.012.405.544	26.373.360.826.788
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(235.518.473.334)	(86.538.597.586)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.650.156.741.241</b>	<b>2.512.553.533.909</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.1	296.697.348.350	141.398.046.799
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.335.690.250.424	2.357.338.685.110
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	17.769.142.467	13.816.802.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>84.081.562.709.945</b>	<b>74.764.176.191.827</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>809.234.947.969</b>	<b>305.165.547.431</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	118.401.369.280	96.007.238.800
Phải thu dài hạn khác	216	9.2	690.833.578.689	209.158.308.631
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.280.841.784.004</b>	<b>65.561.657.180.137</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	68.744.125.939.109	65.307.819.877.543
Nguyên giá	222		91.026.106.008.677	82.616.601.097.978
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.281.980.069.568)	(17.308.781.220.435)
Tài sản cố định vô hình	227	13	536.715.844.895	253.837.302.594
Nguyên giá	228		618.321.659.402	342.995.279.178
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.605.814.507)	(89.157.976.584)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>548.210.755.123</b>	<b>564.296.973.801</b>
Nguyên giá	231		698.820.145.314	681.931.844.756
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(150.609.390.191)	(117.634.870.955)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.698.699.397.713</b>	<b>6.247.213.506.994</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	15	1.409.414.047.105	918.470.731.946
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	8.289.285.350.608	5.328.742.775.048
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.715.955.617</b>	<b>171.085.206.311</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		6.015.955.617	385.206.311
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7	-	170.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.737.859.869.519</b>	<b>1.914.757.777.153</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.2	3.171.382.188.206	1.646.094.518.464
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	529.355.730.648	225.553.308.024
Lợi thế thương mại	269	19	37.121.950.665	43.109.950.665
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>178.236.422.358.249</b>	<b>131.511.434.388.837</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>87.455.796.846.810</b>	<b>72.291.648.082.726</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>73.459.315.876.441</b>	<b>51.975.217.447.498</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		23.729.142.569.420	10.915.752.723.952
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	788.002.603.134	1.257.272.765.123
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	796.022.241.121	548.579.261.453
Phải trả người lao động	314		816.457.005.628	313.099.678.402
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22.1	772.615.123.352	640.129.684.182
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		16.951.911.160	34.564.307.818
Phải trả ngắn hạn khác	319	23.1	1.047.158.508.079	328.061.400.351
Vay ngắn hạn	320	24.1	43.747.643.082.356	36.798.465.672.104
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	4.755.735.476	5.846.534.626
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	1.740.567.096.715	1.133.445.419.487
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.996.480.970.369</b>	<b>20.316.430.635.228</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	2.637.987.658.239
Chi phí phải trả dài hạn	333	22.2	410.407.940.262	223.664.493.846
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		8.803.217.550	16.127.650.192
Phải trả dài hạn khác	337	23.2	63.027.061.241	68.736.086.170
Vay dài hạn	338	24.2	13.464.931.998.700	17.343.247.551.512
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	666.262.529
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	49.310.752.616	26.000.932.740

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>90.780.625.511.439</b>	<b>59.219.786.306.111</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>90.780.625.511.439</b>	<b>59.219.786.306.111</b>
Vốn cổ phần	411	28	44.729.227.060.000	33.132.826.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.729.227.060.000	33.132.826.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.211.560.416.270
Chênh lệch tỷ giá	417		(1.925.960.852)	5.568.369.072
Quỹ đầu tư phát triển	418		923.549.304.122	928.641.612.156
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.763.425.970.912	21.792.442.633.285
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.285.282.773.452	8.342.142.580.473
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		34.478.143.197.460	13.450.300.052.812
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		154.788.720.987	148.746.685.328
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>178.236.422.358.249</b>	<b>131.511.434.388.837</b>

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Xuân Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>31</b>	<b>150.865.359.967.200</b>	<b>91.279.041.771.826</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>31</b>	<b>1.185.569.987.855</b>	<b>1.160.538.345.109</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>31</b>	<b>149.679.789.979.345</b>	<b>90.118.503.426.717</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>32</b>	<b>108.571.380.446.353</b>	<b>71.214.453.522.563</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>41.108.409.532.992</b>	<b>18.904.049.904.154</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	3.071.440.640.188	1.004.789.766.270
Chi phí tài chính	22	34	3.731.542.257.873	2.837.406.430.588
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23		<i>2.525.823.258.237</i>	<i>2.191.680.923.417</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		4.465.302.865	1.964.631.764
Chi phí bán hàng	25	35	2.120.068.223.228	1.090.795.558.423
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	1.324.261.548.679	690.298.504.185
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>37.008.443.446.265</b>	<b>15.292.303.808.992</b>
Thu nhập khác	31	37	796.666.105.925	654.081.334.225
Chi phí khác	32	38	748.331.838.000	589.418.351.516
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>48.334.267.925</b>	<b>64.662.982.709</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>37.056.777.714.190</b>	<b>15.356.966.791.701</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>40</b>	<b>2.855.306.347.167</b>	<b>1.784.567.843.866</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>40</b>	<b>(319.483.564.275)</b>	<b>66.234.890.928</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>34.520.954.931.298</b>	<b>13.506.164.056.907</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (mang từ trang trước sang) (60 = 50 - 51 - 52)	60		34.520.954.931.298	13.506.164.056.907
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		34.478.143.197.460	13.450.300.052.812
Cổ đông không kiểm soát	62		42.811.733.838	55.864.004.095
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	7.166	2.728

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Xuân Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>37.056.777.714.190</b>	<b>15.356.966.791.701</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		6.076.516.295.417	4.775.781.721.269
Phân bổ lợi thế thương mại	02		5.988.000.000	18.075.220.852
Các khoản dự phòng	03		163.177.531.627	28.314.185.442
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		41.938.831.417	52.078.870.772
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.661.082.595.981)	(490.559.694.590)
Chi phí đi vay	06		2.525.823.258.237	2.191.680.923.417
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>44.209.139.034.907</b>	<b>21.932.338.018.863</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(3.039.385.771.765)	(3.374.026.162.649)
Biến động hàng tồn kho	10		(16.949.192.989.135)	(7.061.024.985.401)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		9.250.111.116.260	4.251.742.399.296
Biến động chi phí trả trước	12		(813.988.306.614)	(89.041.139.127)
			<b>32.656.683.083.653</b>	<b>15.659.988.130.982</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.567.276.431.082)	(2.027.572.222.288)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.743.083.962.430)	(1.716.802.619.015)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(625.409.387.033)	(328.363.376.705)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>26.720.913.303.108</b>	<b>11.587.249.912.974</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(11.621.470.092.371)	(11.915.645.555.048)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		49.348.550.223	34.418.355.881
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(41.061.488.333.969)	(11.971.173.251.594)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		31.076.412.522.291	5.003.441.426.581
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		833.829.028.281	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		1.053.915.562.539	353.560.779.277
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19.669.452.763.006)</b>	<b>(18.495.398.244.903)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	31		10.630.000.000	2.700.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		125.075.421.125.272	83.074.115.401.537
Tiền trả nợ gốc vay	34		(121.652.859.327.347)	(65.603.640.057.528)
Tiền trả cổ tức	36		(1.693.086.647.969)	(1.419.473.748.756)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.740.105.149.956</b>	<b>16.053.701.595.253</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>8.791.565.690.058</b>	<b>9.145.553.263.324</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>13.696.099.298.228</b>	<b>4.544.900.252.204</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(16.289.426.156)</b>	<b>5.645.782.700</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>22.471.375.562.130</b>	<b>13.696.099.298.228</b>

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Xuân Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

### **1.2 Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện bằng kim loại;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải, khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương;
- Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**1.4 Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các công ty con sau:

<b>STT</b>	<b>Công ty con cấp 1</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
1	Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát (i)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh thép xây dựng và các hoạt động phụ trợ.	99,998%	99,998%
2	Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát (i)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh ống thép, tôn mạ màu và các hoạt động phụ trợ.	99,994%	99,99%
3	Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%	99,999%
4	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát (i)	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản và các hoạt động phụ trợ.	99,90%	99,90%
5	Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát (Thuyết minh 4)	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	0%	99,60%
6	Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát (ii)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy – gia dụng.	99,90%	0%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát</i>					
1	Công ty Cổ phần Dầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	0%	99,958%	99,96%
2	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,998%	0%	99,996%	99,998%
3	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang, khai thác quặng sắt; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất mua bán than cốc và các ngành nghề liên quan khác.	100%	0%	99,998%	99,999%
4	Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	0%	99,998%	100%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát</i>					
5	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,967%	0%	99,960%	99,967%
6	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh.	100%	0%	99,994%	100%
7	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,833%	0%	99,832%	99,67%
8	Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,917%	0%	99,915%	99,875%
9	Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát (iii)	Sản xuất và kinh doanh Container.	99,80%	0%	99,794%	0%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>					
1	Công ty TNHH MTV Bình Vàng	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý, khai thác quặng kim loại quý hiếm.	100%	100%	99,958%	99,96%
2	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,42%	98,42%	98,379%	98,38%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương</i>					
3	Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	99,89%	99,887%	99,888%
4	Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát	Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương.	99,52%	95,20%	99,517%	95,198%
5	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Úc	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.	99,972%	99,972%	99,969%	99,971%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất</i>					
6	Công ty Cổ phần Hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,985%	99,99%
7	Công ty Cổ phần Ống thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,985%	99,987%
8	Công ty Cổ phần Tôn Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	89,99%	89,99%	99,988%	99,99%
9	Hoa Phat Trading International Pte Ltd.	Kinh doanh thương mại sắt, thép, gang.	100%	100%	99,998%	99,999%
10	Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Hòa Phát	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.	98%	98%	99,998%	99,999%
11	Công ty TNHH Harmonia	Dịch vụ khách sạn.	100%	100%	99,998%	99,999%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên</i>					
12	Công ty TNHH MTV Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%	99,998%	100%
13	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa.	99,97%	99,97%	99,968%	99,97%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>					
14	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%	99,960%	99,967%
15	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,960%	99,967%
16	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,978%	99,98%	99,938%	99,944%
17	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,960%	99,967%
18	Công ty Cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát Long An (iv)	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,99%	0%	99,95%	0%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát</i>					
19	Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	100%	100%	99,915%	99,875%
20	Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,954%	99,95%	99,869%	99,83%
21	Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang.	100%	100%	99,915%	99,875%
22	Công ty TNHH Phụ kiện Cơ khí Hòa Phát (iv)	Sản xuất phụ kiện cơ khí	100%	0%	99,915%	0%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>					
23	Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phát Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	100%	100%	99,746%	99,85%
24	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	100%	100%	99,746%	99,85%
25	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát Hưng Yên	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	100%	100%	99,746%	99,85%
26	Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	99,99%	99,99%	99,736%	99,84%
27	Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	99,80%	99,80%	99,547%	99,65%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên</i>					
28	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai (v)	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	100%	0%	99,999%	99,999%
29	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ (iv)	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	100%	0%	99,999%	0%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>					
30	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	72,72%	72,72%	72,647%	72,647%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn
			31/12/2021	1/1/2021	
31	Công ty TNHH Chân nuôi Việt Hùng (trước đây là Công ty TNHH MTV Chân nuôi Việt Hùng)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%
32	Công ty TNHH Chân nuôi Đồng Phát (trước đây là Công ty TNHH MTV Chân nuôi Đồng Phát)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%
33	Dragon Trading and Investment Pty Ltd.	Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối gia súc, gia cầm, sản phẩm nông nghiệp khác, quặng, than, sắt thép.	100%	100%	99,899%
34	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,899%
35	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%
36	Công ty TNHH Chân nuôi Thái Thụy	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%
37	Công ty TNHH MTV Chân nuôi Hòa Yên	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%
38	Công ty TNHH Chân nuôi Sơn Động	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,974%
39	Công ty TNHH MTV Chân nuôi Hòa Phát Lạng Sơn (Thuyết minh 4)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	0%	100%	0%
40	Công ty TNHH Chân nuôi Hòa Phước	Chăn nuôi heo giống và heo thịt.	99,998%	99,998%	99,972%
41	Công ty con của Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát Hòa Phát Phú Thọ	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,999%
42	Công ty Cổ phần Vạn Thắng Phú Thọ (Thuyết minh 4)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, hoạt động dịch vụ trồng trọt	0%	99,8%	0%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 4	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 3		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Úc</i>					
1	Dragon Resource Investment Pty Ltd.	Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa; hoạt động vận tải, đại lý vận tải.	100%	100%	99,969%	99,971%
	<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam</i>					
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bắt động sản.	95,267%	95,27%	95,016%	95,111%
3	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lữ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bắt động sản.	99,90%	99,90%	99,637%	99,736%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 4	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn
31/12/2021	1/1/2021
100%	31/12/2021
100%	1/1/2021
95,016%	95,111%
100%	0%
99,969%	0%

STT	Công ty con cấp 5	Hoạt động chính
		<i>Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội</i>
1	Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bảo vệ Hà Nội	Dịch vụ bảo vệ
		<i>Công ty con của Dragon Resource Investment Pty Ltd.</i>
2	Northern Territory Iron Ore Pty Ltd. (vi)	Thăm dò, khai thác khoáng sản

- (i) Đây là các Công ty con cấp 1 mới thành lập trong năm 2020. Các Công ty con cấp 1 mới thành lập này nhận chuyển nhượng các Công ty con cấp thấp hơn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và chuyển nhượng nội bộ giữa các Công ty con này với nhau trong năm 2021. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã góp đủ vốn vào các Công ty con này trong năm 2021.
- (ii) Đây là Công ty con cấp 1 mới thành lập trong năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã góp 382.000.000 VND trên tổng vốn đã cam kết 999.000.000 VND, số vốn còn lại sẽ được góp theo tiến độ đăng ký.
- (iii) Đây là công ty con cấp 2 mới thành lập trong năm.
- (iv) Đây là công ty con cấp 3 mới thành lập trong năm.
- (v) Trong năm công ty con cấp 3 này đã được điều chuyển nội bộ từ Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát sang Công ty TNHH Thực ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên.
- (vi) Đây là công ty con cấp 5 mới mua trong năm.

Các công ty con của Tập đoàn đều được thành lập tại Việt Nam, trừ Hoa Phat Trading International Pte Ltd. được thành lập tại Singapore, Dragon Resource Investment Pty Ltd., Dragon Trading and Investment Pty Ltd., và Northern Territory Iron Ore Pty Ltd. được thành lập tại Australia.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 27.651 nhân viên (1/1/2021: 25.428 nhân viên).

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

### **3.1 Cơ sở hợp nhất**

#### **(a) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (c) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

### (d) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

### (e) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

### (f) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

### *Mua tài sản*

Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

## 3.2 Ngoại tệ

### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### (b) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## 3.4 Các khoản đầu tư

### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (b) *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### 3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

### 3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

#### *Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### *Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, các chi phí trực tiếp khác và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

### 3.7 Tài sản cố định hữu hình

#### (a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 3.11(b)), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	1 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	1 – 30 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 12 năm
▪ vật nuôi	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 12 năm

### 3.8 Tài sản cố định vô hình

#### (a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 50 năm. Khấu hao không được trích cho quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

#### (b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3.9 Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao.

**3.10 Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh (i) các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và (ii) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi lợn giống đang lớn và chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và trong giai đoạn lợn giống chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm.

**3.11 Chi phí trả trước dài hạn**

**(a) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(b) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn**

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

#### **(d) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

#### **(e) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

### **3.12 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

### **3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### **3.14 Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

DN  
TR  
NAM

28  
TY  
AN  
N  
IT  
10



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

### **3.15 Vốn cổ phần**

#### **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **3.16 Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

#### **(a) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

#### **(b) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 3.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### 3.18 Doanh thu và thu nhập khác

##### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### (b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### (c) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời gian cho thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (d) *Doanh thu cho thuê*

Trừ trường hợp được mô tả trong mục 3.18(c), doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

### (e) *Doanh thu bán căn hộ*

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm hoàn thành bàn giao căn hộ.

### (f) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ lãi tiền gửi trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được bù trừ với chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại được ghi giảm giá trị đầu tư.

### (g) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

## 3.19 Thuê tài sản

### *Các khoản thanh toán tiền thuê*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

## 3.20 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## 3.21 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **3.22 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan của Tập đoàn.

#### **3.23 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm trước.

## **4. Giao dịch thanh lý công ty con trong năm**

Ngày 4 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát với giá trị ghi sổ là 398.400.000.000 VND, tương đương 99,6% vốn cổ phần cho Công ty Cổ phần Nội thất Eden Việt Nam với giá trị chuyển nhượng là 896.400.000.000 VND.

Ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát (một Công ty con cấp 2 của Tập đoàn) đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Vạn Thắng Phú Thọ (một Công ty con cấp 3 của Tập đoàn) với giá trị ghi sổ là 40.723.162.561 VND, tương đương 99,8% vốn cổ phần cho một bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 48.800.000.000 VND.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (một Công ty con cấp 2 của Tập đoàn) đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạng Sơn (một Công ty con cấp 3 của Tập Đoàn), với giá trị ghi sổ là 5.375.488.185 VND, tương đương 100% vốn cổ phần cho một bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 7.020.000.000 VND.

Các giao dịch này đã ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày thanh lý các công ty con nêu trên như sau:

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Giá trị ghi sổ của tài sản thuần  
tại ngày mất quyền kiểm soát**

	Công ty Cổ phần		Công ty TNHH		Tổng VND
	Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát VND	Vạn Thắng Phú Thọ VND	Công ty TNHH Hòa Phát Lạng Sơn VND	MTV Chăn nuôi	
<b>Giá trị ghi sổ tại thời điểm thanh lý</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.305.453.774	17.364.281.259	221.236.686		114.890.971.719
Các khoản phải thu ngắn hạn	201.206.354.951	26.634.521	-		201.232.989.472
Hàng tồn kho	342.679.773.727	-	-		342.679.773.727
Tài sản ngắn hạn khác	1.260.131.232	-	115.577.174		1.375.708.406
Tài sản cố định	280.701.670.324	637.752.586	-		281.339.422.910
Tài sản dở dang dài hạn	26.645.430	22.776.103.739	5.038.674.325		27.841.423.494
Tài sản dài hạn khác	78.028.813.926	-	-		78.028.813.926
Nợ phải trả ngắn hạn	(601.208.843.364)	-	-		(601.208.843.364)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	400.000.000.000	40.804.772.105	5.375.488.185		446.180.260.290
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(1.600.000.000)	(81.609.544)	-		(1.681.609.544)
Lợi ích của Tập đoàn trong giá trị tài sản và nợ phải trả thuần	398.400.000.000	40.723.162.561	5.375.488.185		444.498.650.746
Giá chuyển nhượng	896.400.000.000	48.800.000.000	7.020.000.000		952.220.000.000
Chi phí chuyển nhượng	-	(3.500.000.000)	-		(3.500.000.000)
Lãi do thanh lý công ty con ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	498.000.000.000	4.576.837.439	1.644.511.815		504.221.349.254

**5. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thép: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phôi liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Nông nghiệp: chăn nuôi lợn, bò, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp; các ngành phụ trợ liên quan khác;



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	140.074.742.351.975	7.965.299.897.301	1.639.747.730.069	-	149.679.789.979.345
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	27.746.186.109.678	1.123.181.111	37.213.810.590	(27.784.523.101.379)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>167.820.928.461.653</b>	<b>7.966.423.078.412</b>	<b>1.676.961.540.659</b>	<b>(27.784.523.101.379)</b>	<b>149.679.789.979.345</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	44.976.166.806.986	785.581.688.132	628.383.691.499	(9.386.154.043.217)	37.003.978.143.400
Thu nhập khác	791.808.510.874	4.029.020.878	857.043.173	(28.469.000)	796.666.105.925
Chi phí khác	(714.474.346.318)	(32.867.382.715)	(990.108.967)	-	(748.331.838.000)
Phần lãi trong công ty liên kết	(3.105.560)	4.465.302.865	-	3.105.560	4.465.302.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(2.679.933.606.708)	(50.291.071.876)	(125.081.668.583)	-	(2.855.306.347.167)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	42.861.929.677	7.497.797.454	4.872.233.344	264.251.603.800	319.483.564.275
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>42.416.426.188.951</b>	<b>718.415.354.738</b>	<b>508.041.190.466</b>	<b>(9.121.927.802.857)</b>	<b>34.520.954.931.298</b>





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
Doanh thu thuần ra bên ngoài	76.334.474.996.918	10.552.656.907.339	2.504.998.384.841	726.373.137.619	-	90.118.503.426.717
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	42.544.569.455.245	1.284.031.840	153.719.133.088	70.106.130.158	(42.769.678.750.331)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>118.879.044.452.163</b>	<b>10.553.940.939.179</b>	<b>2.658.717.517.929</b>	<b>796.479.267.777</b>	<b>(42.769.678.750.331)</b>	<b>90.118.503.426.717</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	28.657.042.061.931	1.822.906.054.607	399.332.628.236	497.988.020.815	(16.086.929.588.361)	15.290.339.177.228
Thu nhập khác	644.294.025.919	4.676.396.177	3.427.810.867	4.180.309.411	(2.497.208.149)	654.081.334.225
Chi phí khác	(548.515.585.353)	(35.909.688.381)	(3.863.882.182)	(2.252.866.517)	1.123.670.917	(589.418.351.516)
Phần lãi trong công ty liên kết	-	1.964.631.764	-	-	-	1.964.631.764
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(1.515.190.441.976) 1.292.727.824	(123.438.628.112) 6.675.417.414	(86.027.103.992) 4.053.235.681	(59.911.669.786) (39.020.450.326)	- (39.235.821.521)	(1.784.567.843.866) (66.234.890.928)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>27.238.922.788.345</b>	<b>1.676.874.183.469</b>	<b>316.922.688.610</b>	<b>400.983.343.597</b>	<b>(16.127.538.947.114)</b>	<b>13.506.164.056.907</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Sản xuất công nghiệp khác VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	137.591.518.586.036	7.182.405.136.476	1.464.515.369.989	3.753.721.908.201	(18.480.726.611.865)	131.511.434.388.837
Tổng tài sản	137.591.518.586.036	7.182.405.136.476	1.464.515.369.989	3.753.721.908.201	(18.480.726.611.865)	131.511.434.388.837
Nợ phải trả của bộ phận	83.392.904.434.271	3.040.173.481.198	914.515.369.989	2.440.408.591.833	(17.496.353.794.565)	72.291.648.082.726
Tổng nợ phải trả	83.392.904.434.271	3.040.173.481.198	914.515.369.989	2.440.408.591.833	(17.496.353.794.565)	72.291.648.082.726

**Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Chỉ tiêu vốn	11.458.247.219.708	457.819.591.787	41.962.248.521	11.406.857.366	(53.790.362.334)	11.915.645.555.048
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	4.113.610.616.426	498.228.571.269	100.805.990.097	69.983.930.617	(42.748.467.800)	4.739.880.640.609
Khấu hao tài sản cố định vô hình	17.252.704.951	830.833.886	1.943.942.533	136.415.237	(12.212.230)	20.151.684.377
Phần bù chi phí đất trả trước dài hạn	13.623.836.208	6.884.072.387	1.922.056.122	-	(729.190.280)	21.700.774.437

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	18.025.793.073	12.919.745.291
Tiền gửi ngân hàng	6.298.237.554.627	2.081.394.552.937
Tiền đang chuyển	36.318.810	-
Các khoản tương đương tiền	16.155.075.895.620	11.601.785.000.000
	<u>22.471.375.562.130</u>	<u>13.696.099.298.228</u>

**6.1 Ngoại tệ bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	90.449.660	2.047.780.302.400	15.264.410	351.615.684.350
Đồng Euro ("EUR")	2.136	54.235.176	2.172	60.672.648
Đô la Úc ("AUD")	1.862.137	30.270.899.072	2.659.395	46.573.984.635
Nhân dân tệ ("CNY")	945	3.343.523	-	-
Đô la Singapore ("SGD")	5.674	94.113.276	-	-
		<u>2.078.202.893.447</u>		<u>398.250.341.633</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số lượng	31/12/2021	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	1/1/2021	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn							
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		18.236.152.616.078	18.236.152.616.078			8.126.992.675.380	8.126.992.675.380
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn							
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		-	(*)			150.000.000.000	(*)
▪ Trái phiếu		-	(*)	2.000		20.000.000.000	(*)
		-	(*)			170.000.000.000	(*)

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 2,30% đến 7,80% (2020: từ 3,30% đến 7,40%) một năm.

Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm 115.000 triệu VND được dùng để thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho các hợp đồng L/C của Công ty TNHH Một thành viên Thép dự ứng lực Hòa Phát, một công ty con cấp 3 của Công ty (1/1/2021: 196.700 triệu VND).

Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm 7.934.622 triệu VND được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2021: 46.100 triệu VND).

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Guangxi Pingxiang Futai Import & Export Trade Co., Ltd.	109.182.908.120	181.811.396.791
WISDRI Engineering & Research Incorporation Limited	-	110.979.849.600
Pingxiang City Holly Import & Export Trade Co., Ltd.	119.503.943.780	110.888.776.594
Các nhà cung cấp khác	1.493.684.971.378	1.303.037.835.829
	<hr/> 1.722.371.823.278	<hr/> 1.303.037.835.829

**9. Phải thu khác****9.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	339.306.417.657	198.851.101.719
Ký cược, ký quỹ	394.586.677.130	582.845.456.264
Thuế xuất khẩu nộp trước	168.319.816.181	55.934.698.294
Vật tư cho bên thứ ba mượn	6.057.510.914	819.522.227
Vật tư mang đi gia công	3.303.243.506	397.211.760
Phải thu khác	70.225.401.440	71.517.512.407
	<hr/> 981.799.066.828	<hr/> 910.365.502.671

**9.2 Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ	690.130.186.939	208.726.314.243
Phải thu khác	703.391.750	431.994.388
	<hr/> 690.833.578.689	<hr/> 209.158.308.631

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.128.452.680.205	(416.901.609)	4.175.588.558.243	-
Nguyên vật liệu	19.939.178.885.669	(121.536.162.441)	11.876.280.307.410	(2.937.448.687)
Công cụ và dụng cụ	1.849.900.700.667	(4.818.123.110)	1.768.683.803.585	(1.330.489.342)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.043.096.589.398	(57.194.686.036)	2.355.242.940.255	(66.002.922.445)
Thành phẩm	10.037.870.269.495	(49.715.666.081)	5.509.190.782.455	(12.250.780.039)
Hàng hóa	1.127.956.910.057	(1.836.934.057)	496.154.920.463	(4.016.957.073)
Hàng gửi đi bán	243.556.370.053	-	192.219.514.377	-
	<b>42.370.012.405.544</b>	<b>(235.518.473.334)</b>	<b>26.373.360.826.788</b>	<b>(86.538.597.586)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 2.755.653 triệu VND giá trị hàng tồn kho (1/1/2021: 361.690 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 15.947.235 triệu VND (1/1/2021: 7.677.165 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**11. Phải thu về cho vay dài hạn**

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Bên liên quan</b>				
Australian Cattle Enterprises (NT) Pty. Ltd.	AUD	6,00%	5.034.078.000	5.418.486.000
<b>Bên khác (*)</b>				
Nguyễn Thị Tố Hoài (i)	VND	5,50%	112.804.791.280	89.463.752.800
Đối tượng khác (ii)	VND	5,50%	562.500.000	1.125.000.000
			<b>118.401.369.280</b>	<b>96.007.238.800</b>

(\*) Khoản cho vay dài hạn này phản ánh khoản cho cá nhân vay nhằm mục đích đầu tư các hạng mục chuồng trại, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất theo yêu cầu của Tập đoàn. Theo đó, gốc và lãi vay sẽ được cân trừ với tiền thuê trang trại trong suốt thời gian thuê. Sau khi kết thúc thời hạn thuê theo thỏa thuận, Tập đoàn cần bàn giao lại tài sản thuê sau khi các cá nhân đã trả đủ số tiền vay, lãi vay phát sinh.

(i) Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản cho vay này được đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chủ trại cho mảnh đất có diện tích 43 m<sup>2</sup> tại Thôn La Tiến, Xã Nguyễn Hòa, Huyện Phù Cù, Tỉnh Hưng Yên.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Vật nuôi VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	31.048.399.319.216	49.245.042.327.829	1.894.959.633.763	153.443.837.440	266.270.582.463	8.485.397.267	82.616.601.097.978
Tăng trong năm	7.855.752.704	282.202.563.415	324.230.233.241	36.345.647.679	-	671.560.000	651.305.757.039
Thanh lý công ty con	(539.581.451.366)	(419.623.330.511)	(52.968.233.956)	(5.279.095.562)	-	-	(1.017.452.111.395)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.792.685.751.143	5.792.851.272.029	1.519.615.194.191	7.546.466.827	5.892.036.978	-	9.118.590.721.168
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(16.128.883.436)	(829.256.478)	(285.252.415)	-	-	-	(17.243.392.329)
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	13.331.250.000	-	-	-	-	-	13.331.250.000
Thanh lý và xóa sổ	(21.487.044.961)	(153.371.040.871)	(23.450.178.358)	(1.139.633.967)	(136.026.082.300)	(328.630.770)	(335.802.611.227)
Phân loại lại	(306.488.331)	1.418.488.331	-	-	-	(1.112.000.000)	-
Biến động khác	(43.413.200)	(1.267.079.793)	(245.786.058)	(1.668.423.506)	-	-	(3.224.702.557)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.284.724.791.769</b>	<b>54.746.423.943.951</b>	<b>3.661.855.610.408</b>	<b>189.248.798.911</b>	<b>136.136.537.141</b>	<b>7.716.326.497</b>	<b>91.026.106.008.677</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	3.472.712.209.812	12.866.683.330.898	685.911.128.704	88.058.794.400	192.340.852.352	3.074.904.269	17.308.781.220.435
Khấu hao trong năm	1.588.219.448.227	4.057.211.663.238	308.288.793.334	33.267.316.557	30.903.466.539	1.264.924.297	6.019.155.612.192
Thanh lý công ty con	(356.534.808.213)	(390.702.831.568)	(42.388.023.984)	(4.487.958.694)	-	-	(794.113.622.459)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.699.210.961)	(220.357.100)	(96.157.669)	-	-	-	(2.015.725.730)
Thanh lý và xóa sổ	(2.533.114.366)	(133.211.801.498)	(15.199.145.906)	(1.139.633.967)	(91.565.111.454)	(328.630.770)	(243.977.437.961)
Phân loại lại	(232.988.187)	224.347.759	34.945.805	-	-	(26.305.377)	-
Biến động khác	(5.298.153.217)	(551.823.692)	-	-	-	-	(5.849.976.909)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.694.633.383.095</b>	<b>16.399.432.528.037</b>	<b>936.551.540.284</b>	<b>115.698.518.296</b>	<b>131.679.207.437</b>	<b>3.984.892.419</b>	<b>22.281.980.069.568</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu năm	27.575.687.109.404	36.378.358.996.931	1.209.048.505.059	65.385.043.040	73.929.730.111	5.410.492.998	65.307.819.877.543
Số dư cuối năm	27.590.091.408.674	38.346.991.415.914	2.725.304.070.124	73.550.280.615	4.457.329.704	3.731.434.078	68.744.125.939.109

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 4.861.835 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 4.390.516 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 47.698.391 triệu VND (1/1/2021: 55.980.946 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Handwritten notes in red ink: "Số dư đầu năm" and "Số dư cuối năm" with arrows pointing to the respective columns in the table above.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	261.519.239.336	75.279.529.415	6.196.510.427	342.995.279.178
Tăng trong năm	-	8.571.080.000	343.745.028.762	352.316.108.762
Thanh lý công ty con	(78.770.778.538)	(1.164.150.000)	-	(79.934.928.538)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.715.200.000	-	3.715.200.000
Xóa sổ	-	(770.000.000)	-	(770.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>182.748.460.798</b>	<b>85.631.659.415</b>	<b>349.941.539.189</b>	<b>618.321.659.402</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	42.892.395.839	42.521.055.830	3.744.524.915	89.157.976.584
Khấu hao trong năm	2.323.227.090	12.658.525.473	170.079.924	15.151.832.487
Thanh lý công ty con	(20.769.844.564)	(1.164.150.000)	-	(21.933.994.564)
Xóa sổ	-	(770.000.000)	-	(770.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.445.778.365</b>	<b>53.245.431.303</b>	<b>3.914.604.839</b>	<b>81.605.814.507</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	218.626.843.497	32.758.473.585	2.451.985.512	253.837.302.594
Số dư cuối năm	158.302.682.433	32.386.228.112	346.026.934.350	536.715.844.895

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 33.679 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 15.826 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 48.354 triệu VND (1/1/2021: 87.757 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	626.229.143.791	55.702.700.965	681.931.844.756
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	16.888.300.558	-	16.888.300.558
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>643.117.444.349</b>	<b>55.702.700.965</b>	<b>698.820.145.314</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	117.634.870.955	-	117.634.870.955
Khấu hao trong năm	32.974.519.236	-	32.974.519.236
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>150.609.390.191</b>	<b>-</b>	<b>150.609.390.191</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	508.594.272.836	55.702.700.965	564.296.973.801
Số dư cuối năm	492.508.054.158	55.702.700.965	548.210.755.123

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn và các công ty con bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam; Khu Công nghiệp Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.
- Quyền sử dụng đất và diện tích cho thuê thương mại thuộc Dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 1 tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội; dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 2 tại 493 Trương Định, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và khu Chung cư tại 70 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và văn phòng cho thuê tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	Giá gốc và giá trị có thể thu hồi	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án Khu Đô thị và Khu Công nghiệp tại Hưng Yên	1.396.364.488.017	913.306.321.947
Các dự án khác	13.049.559.088	5.164.409.999
	<b>1.409.414.047.105</b>	<b>918.470.731.946</b>

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	5.328.742.775.048	36.685.174.068.291
Tăng trong năm	12.251.686.124.554	7.031.499.613.678
Lãi vay vốn hóa trong năm	46.425.435.938	527.071.296.569
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.118.590.721.168)	(38.618.068.918.610)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.715.200.000)	(2.305.493.215)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(16.888.300.558)	(9.847.253.038)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(146.789.239.046)	(247.972.063.577)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(49.928.909.135)	(36.810.573.249)
Thanh lý công ty con	(27.841.423.494)	-
Biến động khác	26.184.808.469	2.098.199
Số dư cuối năm	<b>8.289.285.350.608</b>	<b>5.328.742.775.048</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Dung Quất	7.202.433.561.139	3.487.288.552.867
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Hải Dương	371.576.201.031	1.327.612.767.875
Dự án Nông nghiệp	257.309.221.899	249.453.653.883
Dự án Nhà máy Tôn mạ màu	4.850.883.337	9.838.075.445
Dự án mở rộng Nhà máy Ống thép	187.646.206.964	5.107.652.238
Các dự án khác	265.469.276.238	249.442.072.740
	<b>8.289.285.350.608</b>	<b>5.328.742.775.048</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 1.241.824 triệu VND (1/1/2021: 2.422.965 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>1/1/2021</b> VND
Chi phí phải trả	40.762.252.184	35.663.686.775
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn	488.875.055.211	172.947.080.907
Khấu hao loại trừ khỏi chi phí tính thuế	-	9.436.260.938
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác	(281.576.747)	7.506.279.404
	<hr/> 529.355.730.648	<hr/> 225.553.308.024

**19. Lợi thế thương mại**

	<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch VND</b>	<b>Công ty CP Xây dựng Long Việt VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Giá gốc</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	195.950.665	59.880.000.000	60.075.950.665
<b>Phân bổ lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	16.966.000.000	16.966.000.000
Phân bổ trong năm	-	5.988.000.000	5.988.000.000
Số dư cuối năm	-	22.954.000.000	22.954.000.000
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Số dư đầu năm	195.950.665	42.914.000.000	43.109.950.665
Số dư cuối năm	195.950.665	36.926.000.000	37.121.950.665

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp	-	219.854.708.867
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	-	194.924.947.088
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	160.737.475.800	129.369.625.000
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	112.805.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	89.320.000.000	-
Các khách hàng khác	425.140.127.334	713.123.484.168
	<hr/>	
	788.002.603.134	1.257.272.765.123
	<hr/>	



1/1/2021  
31/12/2021

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2021		Số phải nộp/bù trừ với thuế được khấu trừ trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Biến động khác		Bán công ty con		Số phải thu		Số phải nộp	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	907.013.153	46.089.988.666	9.090.103.627.801	9.090.103.627.801	(8.974.331.791.559)	(6.027.530.677)	(8.620.873.921)	904.351.907	147.210.759.064					
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	267.859.720	47.938.972.987	47.938.972.987	(47.753.787.634)	-	-	-	-					453.045.073
Thuế xuất nhập khẩu	464.061.729	-	444.333.041.648	444.333.041.648	(443.968.977.959)	1.225.778	-	482.959.432	384.187.170					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.900.145.200	489.301.541.892	2.855.306.347.167	2.855.306.347.167	(2.743.083.962.430)	9.185.951.398	(12.936.131.724)	13.940.385.310	601.813.986.413					
Thuế nhà thầu	-	7.101.569.591	135.359.506.516	135.359.506.516	(122.131.115.727)	-	-	3.000.000	20.332.960.380					
Thuế thu nhập cá nhân	91.404.768	1.970.355.994	133.626.254.714	133.626.254.714	(114.892.916.337)	(11.859.775)	(77.687.103)	19.988.250	20.542.730.975					
Thuế tài nguyên	1.966.737.296	2.823.353.466	99.012.076.966	99.012.076.966	(98.444.996.271)	-	(409.200)	1.956.526.626	3.379.814.291					
Tiền thuế đất	479.878.056	-	12.844.098.086	12.844.098.086	(12.805.729.068)	-	-	-452.862.462	11.353.424					
Các loại thuế khác	7.561.798	1.024.592.124	132.725.849.568	132.725.849.568	(131.857.316.443)	-	(1.227.600)	9.068.480	1.893.404.331					
	13.816.802.000	548.579.261.453	12.951.249.775.453	12.951.249.775.453	(12.689.270.593.428)	3.147.786.724	(21.636.329.548)	17.769.142.467	796.022.241.121					

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Chi phí phải trả**

**22.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	181.989.777.531	239.100.118.793
Tiền điện	30.478.358.863	55.903.336.843
Chi phí khuyến mại	79.409.516.211	74.706.969.823
Chi phí phải trả cho nhà thầu	45.725.293.340	246.297.733.548
Phí vận chuyển	46.854.451.971	9.606.306.522
Lương và thưởng	2.543.655.503	3.452.366.915
Chi phí phải trả khác	385.614.069.933	11.062.851.738
	<hr/>	<hr/>
	772.615.123.352	640.129.684.182
	<hr/>	<hr/>

**22.2 Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất khu công nghiệp	374.407.940.262	193.664.493.846
Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	36.000.000.000	30.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	410.407.940.262	223.664.493.846
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Phải trả khác**

**23.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu thương mại	150.245.690	32.985.349.083
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	62.206.016.627	48.686.819.279
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng	861.674.580.250	179.691.524.000
Tài sản thừa chờ xử lý	1.324.190.958	1.197.112.178
Cổ tức phải trả	19.079.614.518	12.377.200.123
Các khoản phải trả khác	102.723.860.036	53.123.395.688
	<b>1.047.158.508.079</b>	<b>328.061.400.351</b>

**23.2 Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ bảo trì căn hộ	34.943.752.025	41.989.925.396
Các khoản phải trả khác	28.083.309.216	26.746.160.774
	<b>63.027.061.241</b>	<b>68.736.086.170</b>

15/11/2021 10:00:15 AM

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
24.1 Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	31.553.932.128.138	31.553.932.128.138	122.611.538.943.578	(116.618.462.681.760)	37.547.008.389.956	37.547.008.389.956
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24.2)	5.244.533.543.966	5.244.533.543.966	6.274.443.388.347	(5.318.342.239.913)	6.200.634.692.400	6.200.634.692.400
	36.798.465.672.104	36.798.465.672.104	128.885.982.331.925	(121.936.804.921.673)	43.747.643.082.356	43.747.643.082.356

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD với giá trị tương ứng là 17.703.354 triệu VND và 19.843.654 triệu VND (1/1/2021: 24.396.515 triệu VND và 7.157.417 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và USD với giá trị ghi sổ tương ứng là 12.998.171 triệu VND và 6.357.022 triệu VND (1/1/2021: 20.131.841 triệu VND và 2.364.426 triệu VND) được bảo đảm bằng tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 12 và 13), xây dựng cơ bản dở dang của một số dự án thuộc Tập đoàn và các tài sản hình thành trong tương lai từ một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 16), chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 17.2), quyền phải thu và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("cổ phiếu HPG") thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty (bên liên quan).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND chịu lãi suất từ 2,40% đến 6,50% (2020: từ 1,80% đến 9,10%) một năm. Các khoản vay bằng USD chịu lãi suất từ 1,2% đến 2,3% (2020: từ 1,59% đến 3,6%) một năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24.2 Vay dài hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	19.665.566.691.100	22.587.781.095.478
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24.1)	(6.200.634.692.400)	(5.244.533.543.966)
Hoàn trả sau 12 tháng	13.464.931.998.700	17.343.247.551.512

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	2025	7.364.401.952.435	8.732.028.283.135
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công (i)	VND	2025	6.823.526.045.304	8.340.698.246.111
Ngân hàng BNP Parisbas (ii)	USD	2023	2.820.923.077.452	4.285.846.153.954
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (iv)	VND	2024	503.751.341.402	639.378.589.648
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (iii)	VND	2022	199.425.310.263	466.886.822.630
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	-	99.201.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2025	14.130.000.000	18.142.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh (v)	VND	2025	267.584.670.366	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	VND	2022	-	5.600.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh (i)	VND	2024	80.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (i)	VND	2025	617.768.311.677	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), chi nhánh Hà Nội (i)	VND	2026	610.308.137.551	-
Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thuật Việt Nam - Techcombank (i)	VND	2023	13.747.844.650	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	VND	2024	350.000.000.000	-
			19.665.566.691.100	22.587.781.095.478

- (i) Các khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng một số tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 12 và 13) và xây dựng cơ bản dở dang của một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 16).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Khoản vay này có hạn mức là 200 triệu Đô la Mỹ, do Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Singapore làm đại diện cho các bên cho vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm Tài khoản thanh toán nợ mở tại ngân hàng quản lý tài khoản là Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội và bảo lãnh của hai công ty trong Tập đoàn.
- (iii) Khoản vay dài hạn này được bảo lãnh bởi một Công ty trong Tập đoàn.
- (iv) Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất cốc 3 và máy móc thiết bị dây chuyền điện giai đoạn 5 của Công ty Cổ phần thép Hải Dương với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 830.729 triệu VND (1/1/2021: máy móc thiết bị dây chuyền chính cốc 3 và máy móc thiết bị dây chuyền điện giai đoạn 5 trên chi phí xây dựng cơ bản dở dang).
- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất số: VN121008190-001/HDTCTS bao gồm: Công trình xây dựng tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 00, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI073645 do Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 27/04/2007) và Công trình xây dựng tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC188593 do Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 05/04/2016). Giá trị tài sản thế chấp được các bên đồng ý là 83.005 triệu VND.

Các khoản vay dài hạn còn lại không được đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn bằng VND chịu lãi suất từ 2,60% đến 8,40% (2020: 2,60% đến 9,50%) một năm. Khoản vay dài hạn bằng USD chịu lãi suất LIBOR + 2,05% một năm (2020: LIBOR + 2,05% một năm).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Dự phòng**

	<b>Chi phí bảo hành VND</b>	<b>Dự phòng khôi phục môi trường VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	20.633.351.453	11.214.115.913	31.847.467.366
Dự phòng lập trong năm	2.511.916.178	23.922.924.488	26.434.840.666
Dự phòng sử dụng trong năm	(15.997.537)	-	(15.997.537)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(4.199.822.403)	-	(4.199.822.403)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.929.447.691</b>	<b>35.137.040.401</b>	<b>54.066.488.092</b>
Ngắn hạn	4.755.735.476	-	4.755.735.476
Dài hạn	14.173.712.215	35.137.040.401	49.310.752.616

**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông, Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Số dư đầu năm	1.133.445.419.487	806.604.376.402
Trích lập trong năm	1.248.866.057.413	657.002.019.790
Sử dụng trong năm	(611.355.535.679)	(330.160.976.705)
Thanh lý công ty con	(30.388.844.506)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.740.567.096.715</b>	<b>1.133.445.419.487</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn có phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2020</b>	27.610.741.150.000	3.211.560.416.270	565.534.994	923.641.612.156	15.876.913.750.948	163.213.679.327	47.786.636.143.695
Góp vốn	-	-	-	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	13.450.300.052.812	55.864.004.095	13.506.164.056.907
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.522.085.440.000	-	-	-	(5.522.085.440.000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(1.380.537.057.500)	-	(1.380.537.057.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(656.005.712.957)	(996.306.833)	(657.002.019.790)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.000.000.000	(3.636.000.000)	(1.364.000.000)	-
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(43.091.147.177)	(43.091.147.177)
Anh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	5.002.834.078	-	-	-	5.002.834.078
Biến động khác	-	-	-	-	27.493.039.982	(27.579.544.084)	(86.504.102)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	33.132.826.590.000	3.211.560.416.270	5.568.369.072	928.641.612.156	21.792.442.633.285	148.746.685.328	59.219.786.306.111

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch ty giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	33.132.826.590.000	3.211.560.416.270	5.568.369.072	928.641.612.156	21.792.442.633.285	148.746.685.328	59.219.786.306.111
Góp vốn	-	-	-	-	-	10.630.000.000	10.630.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	34.478.143.197.460	42.811.733.838	34.520.954.931.298
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 29)	11.596.400.470.000	-	-	-	(11.596.400.470.000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(1.656.641.329.500)	-	(1.656.641.329.500)
(Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(1.247.766.885.013)	(1.099.172.400)	(1.248.866.057.413)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.636.000.000)	(1.364.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.000.000.000	-	(43.147.732.864)	(43.147.732.864)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(7.494.329.924)
Anh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	(7.494.329.924)	-	-	-	(1.681.609.544)
Thanh lý công ty con	-	-	-	(10.092.308.034)	(2.715.175.320)	(107.183.371)	(12.914.666.725)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>44.729.227.060.000</b>	<b>3.211.560.416.270</b>	<b>(1.925.960.852)</b>	<b>923.549.304.122</b>	<b>41.763.425.970.912</b>	<b>154.788.720.987</b>	<b>90.780.625.511.439</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	3.313.282.659	33.132.826.590.000	2.761.074.115	27.610.741.150.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	11.596.400.470.000	552.208.544	5.522.085.440.000
Số dư cuối năm	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000

**29. Cổ tức**

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bao gồm 35% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Ngày 22 tháng 6 năm 2021, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**30.1 Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	55.287.258.993.990	454.527.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	15.889.050.872.609	484.020.206.913
	<hr/>	
	71.176.309.866.599	938.547.206.913
	<hr/>	

**30.2 Cam kết hợp đồng thuê**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2021</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	241.583.367.687	36.794.422.430
Trong vòng hai đến năm năm	815.528.108.477	140.754.028.638
Sau năm năm	217.973.178.396	182.935.303.458
	<hr/>	
	1.275.084.654.560	360.483.754.526
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	149.550.845.147.961	90.003.588.760.001
▪ Cung cấp dịch vụ	405.022.678.003	636.863.788.632
▪ Doanh thu cho thuê lại đất thuê	828.849.613.625	411.557.012.405
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	68.963.681.744	62.562.330.568
▪ Doanh thu bán bất động sản	10.461.623.597	86.259.390.420
▪ Doanh thu khác	1.217.222.270	78.210.489.800
	<hr/> 150.865.359.967.200	<hr/> 91.279.041.771.826
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.128.759.484.800)	(1.125.473.685.738)
▪ Giảm giá hàng bán	(2.633.787.116)	(2.612.959.380)
▪ Hàng bán bị trả lại	(54.176.715.939)	(32.451.699.991)
	<hr/> (1.185.569.987.855)	<hr/> (1.160.538.345.109)
	<hr/> 149.679.789.979.345	<hr/> 90.118.503.426.717

**32. Giá vốn hàng bán**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	107.762.174.428.029	70.389.153.770.946
Dịch vụ đã cung ứng	244.734.893.391	453.867.941.195
Giá vốn cho thuê lại đất thuê	359.788.513.664	186.475.713.381
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	43.568.788.153	38.965.286.886
Giá vốn của bất động sản đã bán	6.011.447.368	51.373.174.594
Giá vốn khác	932.500.000	76.822.820.140
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	154.169.875.748	17.794.815.421
	<hr/> 108.571.380.446.353	<hr/> 71.214.453.522.563

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Lãi tiền gửi	1.194.370.878.477	519.078.206.990
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.259.713.002.137	483.165.239.031
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	46.626.960.525	490.877.510
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.508.449.795	2.055.442.739
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	504.221.349.254	-
	<hr/>	<hr/>
	3.071.440.640.188	1.004.789.766.270
	<hr/>	<hr/>

**34. Chi phí tài chính**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí đi vay	2.525.823.258.237	2.191.680.923.417
Chiết khấu thanh toán	-	10.304.712.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	992.505.816.602	493.877.084.960
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	88.565.791.942	52.569.748.282
Chi phí tài chính khác	124.647.391.092	88.973.961.929
	<hr/>	<hr/>
	3.731.542.257.873	2.837.406.430.588
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí bán hàng**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí nhân viên	121.782.917.386	123.280.301.787
Chi phí khấu hao	28.027.285.866	25.143.534.805
Chi phí bảo hành	15.616.398.467	10.019.591.607
Chi phí vận chuyển	159.054.938.974	410.059.716.412
Chi phí quảng cáo	57.786.593.049	119.029.659.675
Chi phí khuyến mại	3.184.969.884	-
Chi phí xuất khẩu	1.430.561.778.794	246.620.482.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác	304.053.340.808	156.642.271.841
	<hr/>	<hr/>
	2.120.068.223.228	1.090.795.558.423
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Phân bổ lợi thế thương mại	5.988.000.000	18.075.220.852
Chi phí nhân viên	445.223.263.481	256.505.319.341
Chi phí khấu hao	82.560.915.012	74.627.935.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	790.489.370.186	341.090.028.634
	<hr/>	<hr/>
	1.324.261.548.679	690.298.504.185

**37. Thu nhập khác**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Lãi thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	3.231.976.849	3.893.297.009
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	565.649.257.613	533.513.067.644
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	64.804.862.273	51.552.815.560
Thu nhập khác	162.980.009.190	65.122.154.012
	<hr/>	<hr/>
	796.666.105.925	654.081.334.225

**38. Chi phí khác**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Lỗ thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	45.206.911.464	34.376.441.173
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	565.703.833.458	533.638.326.246
Chi phí khác	137.421.093.078	21.403.584.097
	<hr/>	<hr/>
	748.331.838.000	589.418.351.516

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và mua hàng hóa để bán lại	92.299.082.082.245	56.143.613.676.276
Chi phí nhân viên	3.614.414.404.721	2.952.413.913.069
Chi phí khấu hao	6.076.516.295.417	4.775.781.721.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.779.494.682.520	7.067.823.287.366
Chi phí khác	4.145.874.734.810	3.481.870.199.104

**40. Thuế thu nhập****40.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành</b>		
Năm hiện hành	2.853.588.302.885	1.781.203.698.254
Thuế TNDN trích bổ sung cho năm trước	1.718.044.282	3.364.145.612
	<b>2.855.306.347.167</b>	<b>1.784.567.843.866</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(319.483.564.275)	66.234.890.928
	<b>2.535.822.782.892</b>	<b>1.850.802.734.794</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.056.777.714.190	15.356.966.791.701
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	366.366.941.960	86.326.338.539
Phân bổ lợi thế thương mại	5.988.000.000	18.075.220.852
Hoàn nhập dự phòng	(10.459.361.152)	(99.583.404.242)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.593.009.528	14.072.284
Hoàn nhập phân trích trước giá vốn của bất động sản đã bán	-	(41.034.357.556)
Hoàn nhập và phát sinh các chênh lệch tạm thời khác	247.457.571.330	(95.169.619.065)
Lãi được chia từ các công ty liên kết	(4.465.302.865)	(1.964.631.764)
Thu nhập được miễn thuế	(1.523.166.771)	-
Lỗ tính thuế năm hiện hành từ các công ty con	69.409.553.460	-
	<b>37.740.144.959.680</b>	<b>15.223.630.410.749</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.229.162.534)	(144.111.796.097)
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>37.738.915.797.146</b>	<b>15.079.518.614.652</b>
Chi phí thuế TNDN tính theo thuế suất của Công ty	7.547.783.159.429	3.015.903.722.930
Ưu đãi thuế của các công ty con	(4.692.083.776.183)	(1.217.379.384.501)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(3.948.948.464)	(12.803.067.107)
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết 116/2020/QH14	(3.603.773.229)	(8.385.735.926)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con và tài sản thuế hoãn lại khác chưa được ghi nhận	5.959.614.572	3.150.009.022
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(319.483.564.275)	66.234.890.928
Thuế TNDN trích bổ sung cho năm trước	1.718.044.282	3.364.145.612
Biến động khác	(517.973.240)	718.153.836
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.535.822.782.892</b>	<b>1.850.802.734.794</b>

**40.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất và hưởng các ưu đãi thuế theo quy định trong các giấy Chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành.

**41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**41.1 Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2021</b> <b>(Số cổ phiếu)</b>	<b>2020</b> <b>(Số cổ phiếu)</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	3.313.282.659	2.761.074.115
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	1.711.848.591
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	<u>4.472.922.706</u>	<u>4.472.922.706</u>

**41.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty (VND)	34.478.143.197.460	13.450.300.052.812
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.423.642.076.471)	(1.247.766.885.013)
	<u>32.054.501.120.989</u>	<u>12.202.533.167.799</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	<u>4.472.922.706</u>	<u>4.472.922.706</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>7.166</u>	<u>2.728</u>

(\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định chính xác số lợi nhuận thuần hợp nhất năm 2021 sẽ được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tập đoàn đã ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021 là 942.866 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41.3 Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 29) và việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26) như sau:

	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	3.313.282.659	3.846
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	(839)
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(279)
Số điều chỉnh lại	<u>4.472.922.706</u>	<u>2.728</u>

**42. Các công cụ tài chính**

**42.1 Quản lý rủi ro tài chính**

**(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

**(b) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

#### 42.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

##### *Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng*

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	22.453.350	13.683.180
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn	(b)	18.236.153	8.296.993
Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu ngắn và dài hạn khác	(c)	5.662.048	4.363.749
		<hr/>	<hr/>
		46.351.551	26.343.922

##### (a) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

##### (b) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng và trái phiếu có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu ngắn và dài hạn khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu chưa bị tổn thất như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
Chưa quá hạn	5.494.358	4.200.992
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	131.376	89.666
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	1.244	29.507
Quá hạn trên 180 ngày	35.070	43.584
	5.662.048	4.363.749

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	39.336.197.606	37.145.790.132
Tăng dự phòng trong năm	2.669.680.910	2.957.664.650
Hoàn nhập và sử dụng trong năm	(2.598.060.557)	(767.257.176)
Thanh lý công ty con	(132.649.797)	-
	39.275.168.162	39.336.197.606

**42.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi số Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND</b>	<b>Trong 1 năm Triệu VND</b>	<b>1 – 2 năm Triệu VND</b>	<b>2 – 5 năm Triệu VND</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	24.651.779	24.651.779	24.623.696	28.083	-
Các khoản vay	57.212.575	61.257.046	46.665.278	7.783.304	6.808.464
	<b>81.864.354</b>	<b>85.908.825</b>	<b>71.288.974</b>	<b>7.811.387</b>	<b>6.808.464</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>					
Phải trả người bán và phải trả khác	14.319.102	14.319.102	11.654.368	2.664.734	-
Các khoản vay	54.141.713	61.206.131	41.823.469	7.133.906	12.248.756
	<b>68.460.815</b>	<b>75.525.233</b>	<b>53.477.837</b>	<b>9.798.640</b>	<b>12.248.756</b>

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

**42.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD), Euro (EUR) và Đô la Úc (AUD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR	AUD	CNY	SGD
<b>31/12/2021</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.449.660	2.136	1.862.137	945	5.674
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31.599.905	-	-	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	300.000	-	-
Phải trả người bán	(732.123.076)	(16.817.127)	-	-	-
Vay ngắn hạn	(927.307.186)	-	-	-	-
Vay dài hạn	(61.538.462)	-	-	-	-
	(1.598.919.159)	(16.814.991)	2.162.137	945	5.674

**1/1/2021**

	USD	EUR	AUD
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.264.410	2.172	2.659.395
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.881.352	-	65.238
Phải thu dài hạn khác	-	-	23.918
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	300.000
Phải trả người bán	(350.339.542)	(21.323.019)	-
Vay ngắn hạn	(308.310.002)	-	-
Vay dài hạn	(184.615.385)	-	-
	(795.119.167)	(21.320.847)	3.048.551

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2021	1/1/2021
Tỷ giá mua USD/VND	22.640	23.035
Tỷ giá bán USD/VND	22.920	23.215
Tỷ giá mua EUR/VND	25.391	27.934
Tỷ giá bán EUR/VND	26.546	29.065
Tỷ giá mua AUD/VND	16.256	17.513
Tỷ giá bán AUD/VND	16.780	18.062
Tỷ giá mua CNY/VND	3.538	3.496
Tỷ giá bán CNY/VND	3.653	3.606
Tỷ giá mua SGD/VND	16.587	17.204
Tỷ giá bán SGD/VND	17.122	17.743

**(b) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu ảnh hưởng của lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
<b>Các công cụ tài chính hưởng lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	34.533.152	19.974.785
Nợ phải trả tài chính	(54.391.652)	(49.855.867)
	<b>(19.858.500)</b>	<b>(29.881.082)</b>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tài sản tài chính	-	20.000
Nợ phải trả tài chính	(2.820.923)	(4.285.846)
	<b>(2.820.923)</b>	<b>(4.265.846)</b>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 22.567 triệu VND lợi nhuận thuần hợp nhất của Tập đoàn (2020: 34.127 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**42.5 Giá trị hợp lý**

**(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	18.236.153	18.236.153	8.126.993	8.126.993
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	(*)	170.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	22.471.376	22.471.376	13.696.099	13.696.099
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác	5.542.943	5.542.943	4.267.310	4.267.310
- Phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác	119.105	(*)	96.439	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	700	(*)	700	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	(24.623.696)	(24.623.696)	(11.654.368)	(11.654.368)
- Phải trả người bán dài hạn, chi phí phải trả dài hạn và phải trả dài hạn khác	(28.083)	(*)	(2.664.734)	(*)
- Các khoản vay	(57.212.575)	(*)	(54.141.713)	(*)
	(35.494.077)		(42.103.274)	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý***Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(c) Phòng ngừa rủi ro**

Tập đoàn áp dụng chính sách đảm bảo một tỷ lệ số dư chịu sự biến động lãi suất của các khoản vay được duy trì với lãi suất cố định. Các hợp đồng hoán đổi lãi suất, đã được ký kết nhằm đạt được một cơ cấu phù hợp bao gồm các khoản chịu lãi suất cố định và lãi suất thả nổi theo chính sách của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các hợp đồng hoán đổi lãi suất với giá trị khoản vay liên quan là 2.820.923 triệu VND (1/1/2021: 4.285.846 triệu VND). Tập đoàn không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	117.810.000.000	25.240.000.000
<b>Thành viên của Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	3.890.000.000	2.320.000.000
<b>Thành viên của Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao, lương và thưởng	1.753.916.438	842.438.612

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**44. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.596.400.470.000	5.522.085.440.000

**45. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Xuân Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

